

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

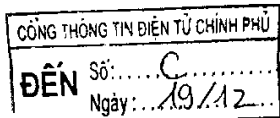
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *48* /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày *16* tháng *12* năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia,
công bố tiêu chuẩn quốc gia thuộc phạm vi quản lý
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**



Căn cứ Nghị định 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, công bố tiêu chuẩn quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quản lý, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (sau đây gọi là quy chuẩn), công bố tiêu chuẩn quốc gia (sau đây gọi là tiêu chuẩn) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, xây dựng, ban hành quy chuẩn, công bố tiêu chuẩn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Chương II
QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH XÂY DỰNG
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA, QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

Điều 3. Yêu cầu đối với quy hoạch, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Đối với quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Đảm bảo thể hiện đầy đủ mục tiêu, lộ trình và giải pháp thực hiện. Kết quả của từng giai đoạn phải phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong hệ thống, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành và lĩnh vực.

2. Đối với kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

Phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; đáp ứng yêu cầu quản lý, nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế; phù hợp với trình độ phát triển khoa học và công nghệ của ngành, quốc gia.

3. Đối với kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn. Kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn phải phù hợp với kế hoạch 5 năm.

Điều 4. Lập và phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Nội dung của quy hoạch tiêu chuẩn, quy chuẩn gồm: quy hoạch tiêu chuẩn, quy chuẩn các chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng cần xây dựng tiêu chuẩn; tổng số tiêu chuẩn cho từng chuyên ngành, lĩnh vực, đối tượng; lộ trình thực hiện; nguồn lực để đáp ứng yêu cầu xây dựng tiêu chuẩn cho từng giai đoạn; các biện pháp thực hiện.

2. Lập quy hoạch

Căn cứ chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, các Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi là Tổng cục, Cục) đề xuất quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công quản lý (phụ lục 1 kèm theo Thông tư này) và gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

3. Phê duyệt quy hoạch

a) Đối với quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt.

b) Đối với quy hoạch xây dựng quy chuẩn: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; Thông báo công khai trên trang tin điện tử của Bộ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phê duyệt và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

Trường hợp cần thiết điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đã phê duyệt theo định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành. Trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành nông nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 5. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Nội dung của kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn gồm: lĩnh vực, đối tượng cụ thể cần xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; phân loại tiêu chuẩn, quy chuẩn; số lượng cần xây dựng; thời gian thực hiện; nguồn kinh phí và kinh phí dự kiến; cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị.

2. Lập kế hoạch 5 năm

Quý II năm cuối của kỳ kế hoạch 5 năm, các Tổng cục, Cục tổ chức lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn 5 năm tiếp theo thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân công quản lý theo yêu cầu sản xuất, quản lý và quy hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành nông nghiệp đã được phê duyệt (nếu có) và gửi về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, xây dựng dự thảo kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ gửi các tổ chức, cá nhân có liên quan và thông báo trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Bộ để lấy ý kiến (thời gian lấy ý kiến ít nhất là 60 ngày kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến) và hoàn thiện dự thảo kế hoạch 5 năm (theo mẫu phụ lục 2 kèm theo Thông tư này).

3. Phê duyệt kế hoạch 5 năm

a) Đối với kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì hướng dẫn, tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt.

b) Đối với kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì hướng dẫn, tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt.

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm

Trên cơ sở đề nghị của các Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì rà soát, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phê duyệt sửa đổi, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng quy chuẩn, sau đó thông báo công khai quyết định sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt; gửi Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét phê duyệt dự thảo kế hoạch sửa đổi, bổ sung kế hoạch 5 năm xây dựng tiêu chuẩn. Trình tự lập dự thảo kế hoạch điều chỉnh, bổ sung kế hoạch 5 năm theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Lập, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Nội dung của kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn gồm: xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn;

tên tiêu chuẩn, quy chuẩn cần xây dựng được sắp xếp theo lĩnh vực; tên tổ chức biên soạn dự thảo; thời gian thực hiện; phương thức xây dựng dự thảo; kinh phí dự kiến và nguồn kinh phí; cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị xây dựng; dự kiến kế hoạch phổ biến, hướng dẫn áp dụng.

2. Lập kế hoạch.

Quý II hàng năm, căn cứ vào kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt và yêu cầu của sản xuất, quản lý, các Tổng cục, Cục theo lĩnh vực được phân công tổ chức xây dựng kế hoạch cho năm sau (phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp gửi các tổ chức, cá nhân có liên quan và đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Bộ để lấy ý kiến. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 30 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến.

3. Phê duyệt kế hoạch hàng năm

a) Đối với kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt.

b) Đối với kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn hàng năm; thông báo tới các cơ quan, tổ chức có liên quan, Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi là Văn phòng TBT Việt Nam) theo quy định và công khai trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Bộ trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt.

4. Thực hiện kế hoạch hàng năm

Căn cứ vào kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt, các Tổng cục, Cục tổ chức thực hiện. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hàng năm;

Định kỳ 6 tháng hoặc đột xuất, các Tổng cục, Cục gửi báo cáo tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

a) Đối với kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn

Tổng cục, Cục đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, phê duyệt. Trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Đối với kế hoạch xây dựng quy chuẩn.

Tổng cục, Cục đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn phê duyệt sửa đổi, bổ sung. Trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III

XÂY DỰNG, RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA, QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 7. Trình tự các bước xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn

Bộ chỉ định cơ quan, tổ chức trực thuộc xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

1. Bước 1: Thành lập Ban biên soạn.

Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn thành lập Ban biên soạn để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Ban biên soạn gồm các thành viên có trình độ từ đại học trở lên và có kinh nghiệm công tác ít nhất 07 năm trong lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ được giao.

2. Bước 2: Biên soạn dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn. Ban biên soạn thực hiện các công việc sau:

a) Chuẩn bị việc biên soạn dự thảo:

Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

Khảo sát, đánh giá thực trạng liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn (nếu cần);

Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu có liên quan đến Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

Thông qua đề cương, hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kèm theo khung nội dung dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

Thực hiện các công việc khác có liên quan.

b) Triển khai biên soạn dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn:

Biên soạn dự thảo trên cơ sở đề cương đã được phê duyệt và viết thuyết minh cho dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến của chuyên gia và các bên liên quan đối với dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo, đăng lên trang tin điện tử lấy ý kiến rộng rãi.

3. Bước 3: Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Gửi dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kèm theo thuyết minh đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Văn phòng TBT Việt Nam để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO, đồng thời thông báo trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành và của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến, thời gian xin ý kiến góp ý cho dự thảo ít nhất là 60 ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến;

Trong trường hợp cấp thiết liên quan đến sức khỏe, an toàn, môi trường thì thời gian lấy ý kiến cho dự thảo quy chuẩn có thể rút ngắn hơn theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Ban biên soạn xử lý, tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo, lập hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều này (trừ điểm k khoản 5 Điều này).

4. Bước 4: Nghiệm thu, thẩm tra, thẩm định dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn

a) Tổng cục, Cục được giao nhiệm vụ quản lý xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn tổ chức nghiệm thu hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn và gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

b) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường thẩm tra hồ sơ; thông báo cho Tổng cục, Cục chỉnh sửa, hoàn thiện; trình Bộ kết quả thẩm tra và gửi hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đến Bộ Khoa học và Công nghệ để thẩm định.

5. Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đề nghị thẩm định:

a) Công văn đề nghị thẩm định Hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

b) Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

c) Đề cương xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã được phê duyệt (theo mẫu tại phụ lục 3 và 4 ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

đ) Dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn (bổ cục trình bày quy định tại phụ lục 5 và 6 ban hành kèm theo Thông tư này) sau khi đã tiếp thu, hoàn thiện (bao gồm cả văn bản dự thảo và bản điện tử); Thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

e) Bản sao tài liệu khoa học sử dụng làm căn cứ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; Các tài liệu tham khảo khác;

g) Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn để lấy ý kiến; Bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;

h) Biên bản họp Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành quy định tại Điều 8 Thông tư này; Bản giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng trong việc nghiệm thu hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn;

i) Biên bản thẩm tra hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; bản giải trình, tiếp thu ý kiến hội đồng thẩm tra;

k) Các văn bản, tài liệu khác liên quan đến quá trình xử lý ý kiến nghiệm thu (nếu có).

6. Trường hợp cần thiết phải xây dựng quy chuẩn mang tính liên ngành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành

1. Hội đồng kỹ thuật chuyên ngành (sau đây gọi là Hội đồng) do các Tổng

cục, Cục thành lập và quản lý, có nhiệm vụ: Tư vấn chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành; Đề xuất quy hoạch, kế hoạch, rà soát định kỳ; Thẩm định đề cương dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn; Nghiệm thu hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên. Thành viên Hội đồng (trừ Chủ tịch Hội đồng) là những người có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm công tác ít nhất 10 năm trong lĩnh vực chuyên môn.

Thành viên Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Tổng cục, Cục; thư ký và các ủy viên. Đại diện Tổng cục, Cục không quá 02 thành viên; Đại diện Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường 01 thành viên. Thành viên tham gia Ban biên soạn không được là thành viên Hội đồng.

3. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng là 03 năm.

Điều 9. Công bố, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Công bố tiêu chuẩn

a) Tổng cục, Cục tổ chức tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, hoàn chỉnh dự thảo (07 bản giấy và 01 bản điện tử) gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

b) Trường hợp dự thảo tiêu chuẩn không đáp ứng yêu cầu theo nội dung thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục, Cục có trách nhiệm tổ chức xử lý, hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn.

2. Ban hành quy chuẩn

Đối với dự thảo quy chuẩn (bao gồm cả quy chuẩn mang tính liên ngành) do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành thực hiện như sau:

a) Trường hợp nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục, Cục hoàn thiện dự thảo và hồ sơ dự thảo quy chuẩn; Chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định;

b) Trường hợp không nhất trí với ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục, Cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường có văn bản trình Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường quản lý và cấp số hiệu quy chuẩn do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp số hiệu quy chuẩn bao gồm: Dự thảo quy chuẩn (bản giấy và bản điện tử); văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

d) Số hiệu quy chuẩn: QCVN xx-zz : yyyy/BNNT, trong đó:

QCVN là chữ viết tắt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

xx-zz là số hiệu quy chuẩn.

xx là mã theo lĩnh vực: 01 là lĩnh vực Nông nghiệp; 02 là lĩnh vực Thủy sản; 03 là lĩnh vực Lâm nghiệp; 04 là lĩnh vực Thủy lợi.

zz là số của quy chuẩn kỹ thuật do Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường quản lý. Giữa mã theo lĩnh vực và số quy chuẩn được phân cách bằng dấu gạch ngang (-).

yyyy là năm ban hành quy chuẩn. Giữa số hiệu và năm ban hành được phân cách bằng dấu hai chấm (:).

BNNPTNT là chữ viết tắt tên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đặt sau năm ban hành (yyyy) và được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

đ) Tổng cục, Cục và cơ quan tổ chức xây dựng quy chuẩn có trách nhiệm lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ dự thảo quy chuẩn.

Điều 10. Rà soát định kỳ tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục tổ chức rà soát tiêu chuẩn, quy chuẩn đã công bố, ban hành theo lĩnh vực được phân công quản lý.

a) Đối với tiêu chuẩn: rà soát định kỳ 3 năm kể từ ngày công bố theo danh mục của Bộ Khoa học và Công nghệ yêu cầu; rà soát đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối với quy chuẩn: rà soát định kỳ 5 năm kể từ ngày được ban hành; đưa vào kế hoạch hàng năm xây dựng quy chuẩn và gửi danh mục cần rà soát đến Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để tổng hợp, thẩm tra và trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định tổ chức việc rà soát quy chuẩn sớm hơn định kỳ 5 năm hoặc đột xuất.

2. Các bước rà soát định kỳ tiêu chuẩn, quy chuẩn:

a) Gửi văn bản kèm theo Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành đến các tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến rà soát;

b) Tổng hợp, xử lý ý kiến góp ý, lập hồ sơ kết quả rà soát làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn;

c) Lập hồ sơ và Báo cáo kết quả rà soát và có thuyết minh kèm theo.

3. Hồ sơ rà soát định kỳ tiêu chuẩn, quy chuẩn bao gồm: Tờ trình của Tổng cục, Cục về kết quả rà soát và kiến nghị; Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn để lấy ý kiến rà soát; bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý; Kết quả rà soát để đưa vào kế hoạch sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ; Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn, quy chuẩn do Tổng cục, Cục rà soát, đề xuất được đưa vào kế hoạch hàng năm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn, quy chuẩn được thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 12. Huỷ bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục lập hồ sơ đề nghị huỷ bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn gửi về Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố huỷ bỏ tiêu chuẩn.

2. Tổng cục, Cục chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định huỷ bỏ quy chuẩn sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hồ sơ đề nghị huỷ bỏ tiêu chuẩn, quy chuẩn bao gồm:

a) Hồ sơ huỷ bỏ tiêu chuẩn: Văn bản đề nghị huỷ bỏ tiêu chuẩn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bản tiêu chuẩn đề nghị huỷ bỏ; Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học); Ý kiến của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan về việc huỷ bỏ tiêu chuẩn trong quá trình rà soát định kỳ; Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

b) Hồ sơ huỷ bỏ quy chuẩn: Văn bản đề nghị huỷ bỏ quy chuẩn của Tổng cục, Cục; Bản quy chuẩn đề nghị huỷ bỏ; Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học); Kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị; Ý kiến của Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có); Ý kiến thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ; Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

Chương IV

THÔNG BÁO, PHỔ BIẾN, ĐĂNG KÝ, XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

Điều 13. Đăng ký quy chuẩn

1. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành hoàn thiện Hồ sơ đăng ký quy chuẩn gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường để thực hiện đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ban hành.

2. Hồ sơ đăng ký quy chuẩn gồm: Công văn đề nghị đăng ký quy chuẩn; Bản đăng ký quy chuẩn theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này; Bản sao quy chuẩn; Thông tư ban hành quy chuẩn.

Điều 14. Thông báo về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ quy chuẩn

Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Tổng cục, Cục thông báo việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ quy chuẩn trên trang tin điện tử (website) hoặc tạp chí, ấn phẩm của Tổng cục, Cục và của Bộ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ quy chuẩn.

Điều 15. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn

Tổng cục, Cục chủ trì tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai việc phổ biến,

hướng dẫn áp dụng quy chuẩn thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

Việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy chuẩn cần được thực hiện ngay sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành thông qua các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo và các hình thức thích hợp khác.

Điều 16. Xuất bản và phát hành quy chuẩn

Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Tổng cục, Cục tổ chức thực hiện kế hoạch xuất bản và phát hành quy chuẩn.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm quản lý

1. Tổng cục, Cục quản lý chuyên ngành

a) Theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm đề xuất, xây dựng quy hoạch, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm và quản lý xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn;

b) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ xây dựng và chất lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn được phân công quản lý;

c) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn theo lĩnh vực được phân công;

d) Tuyên truyền, phổ biến, tổ chức hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo lĩnh vực được phân công;

đ) Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Bộ trưởng về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

e) Chủ trì thẩm định và trình Bộ trưởng ký văn bản trả lời Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về quy hoạch, kế hoạch xây dựng, nội dung Quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

a) Đầu mối thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ về các hoạt động liên quan đến công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đôn đốc theo dõi việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch xây dựng, ban hành quy chuẩn, công bố tiêu chuẩn; Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo phân công; Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn;

b) Đầu mối phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong các hoạt động liên quan đến công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Đầu mối phối hợp với các Tổng cục, Cục tổ chức kiểm tra việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn;